

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH LIÊM
TỈNH HÀ NAM**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 26 - 6 - 2020.
V/v Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH LIÊM - TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Cảnh;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Hà;
2. Ông Nguyễn Thế Quý.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nhiếp Thị Liên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Liêm - tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa: Ông Vũ Đình Tường - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 08/2020/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 02 năm 2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2020 Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2020/QĐST - HNGĐ ngày 02/6/2020, giữa:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị T1 - sinh năm 1982;

Nơi ĐKKHKT: Thôn HT, xã LP, huyện TL, tỉnh Hà Nam;

Nơi ở: Thôn CL, xã BN, huyện BL, tỉnh Hà Nam.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn H - sinh năm 1980;

Nơi ĐKKHKT và nơi ở: Thôn HT, xã LP, huyện TL, tỉnh Hà Nam;

- Người làm chứng: Ông Nguyễn Văn T2 - sinh năm 1942; nơi ĐKKHKT và nơi ở: Thôn HT, xã LP, huyện TL, tỉnh Hà Nam;

Tại phiên tòa có mặt chị T1, anh H, ông T2 vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 06/02/2020 và bản tự khai, nguyên đơn chị Lê Thị T1 trình bày:

Chị kết hôn với anh Nguyễn Văn H vào năm 2014, trên cơ sở có tình cảm và hoàn toàn tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã Liêm Phong, huyện Thanh Liêm ngày 21/02/2014. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc được khoảng 10 tháng đến tháng 12/2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống. Mặt khác, do anh H sống không có trách nhiệm với gia đình, vợ con; khiến cho cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc. Sau khi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, chị đã về nhà bố mẹ đẻ ở thôn CL, xã BN, huyện BL để sinh sống, vợ chồng cũng sống ly thân từ đầu năm 2015 cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân, vợ chồng không có liên lạc gì và cũng không ai còn quan tâm đến ai nữa, chấm dứt mọi quan hệ tình cảm. Đến nay, chị xác định mâu thuẫn giữa vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng đã rạn nứt, khả năng đoàn tụ không còn. Chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện Thanh Liêm giải quyết cho chị ly hôn với anh Nguyễn Văn H.

- Về con chung: Vợ chồng có một con chung là cháu Nguyễn Minh T3 - sinh ngày 19/10/2014. Từ khi vợ chồng sống ly thân cháu T3 ở với chị, anh H không có trách nhiệm gì. Nếu ly hôn, chị đề nghị được tiếp tục nuôi cháu và yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con cho chị mỗi tháng là 1.000.000 đồng.

- Về con nuôi, con riêng: Vợ chồng đều không có, hiện nay chị không mang thai.

- Về tài sản chung: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về công nợ, ruộng cấy, công sức đóng góp, trợ cấp khó khăn sau ly hôn: Chị không có gì nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Ngày 02/6/2020, chị T1 đã có đơn xin rút yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con.

* *Về phía bị đơn Nguyễn Văn H:* Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Thanh Liêm đã gửi Thông báo về việc thụ lý vụ án cho anh H biết và nhiều lần triệu tập, thông báo cho anh H đến Tòa án để viết bản tự khai, tham gia các buổi kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng anh H đều vắng mặt không có lý do. Mặc dù Tòa án đã cử cán bộ và nhờ chính quyền xã Liêm Phong xuống gia đình anh H để làm việc, tổng đạt các văn bản; nhưng anh H vẫn không đến Tòa án làm việc. Vì vậy, Tòa án không thể yêu cầu anh H làm bản tự khai hoặc tiến hành lấy lời khai đối với anh H và tiến hành hòa giải giữa các đương sự được; đồng thời Tòa án đã phải niêm yết công khai các văn bản theo quy định của pháp luật.

Tòa án đã tiến hành làm việc với bố đẻ anh Nguyễn Văn H là ông Nguyễn Văn T2, ông T2 trình bày: Gia đình ông được biết hiện nay chị T1 đang có đơn xin

ly hôn với anh H tại Tòa án, gia đình đã nhận được thông báo về việc thụ lý vụ án và các giấy triệu tập của Tòa án. Bản thân anh H cũng biết việc chị T1 xin ly hôn với anh và cũng đã nhận được các giấy tờ của Tòa án, nhưng anh H không đến Tòa làm việc vì anh H không muốn ly hôn với chị T1. Còn về mâu thuẫn giữa vợ chồng chị T1, anh H ông trình bày: Chị T1 và anh H kết hôn với nhau năm 2014, có đăng ký kết hôn và chỗ chức lễ cưới theo phong tục địa phương. Quá trình chung sống giữa vợ chồng anh chị không có mâu thuẫn gì lớn, chỉ có vài lần cãi vã sau đó chị T1 ôm con bỏ đi cho đến nay. Trong thời gian chị T1 bỏ đi đến nay chị T1 có về nhà một lần để lấy đồ đạc cá nhân. Bản thân anh H cũng có lần xuống nhà chị T1 nói chuyện để vợ chồng về đoàn tụ, nhưng chị T1 không về. Đến nay, chị T1 có đơn xin ly hôn với anh H quan điểm của gia đình ông là do gia đình ông là gia đình công giáo, nên việc ly hôn rất hạn chế. Vì vậy, đề nghị Tòa án tiến hành hòa giải để vợ chồng anh, chị về đoàn tụ. Trường hợp chị T1 vẫn kiên quyết xin ly hôn với anh H thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

** Xác minh tại chính quyền địa phương xác định:* Chị Lê Thị T1 và anh Nguyễn Văn H kết hôn với nhau năm 2014, trên cơ sở tự nguyện. Anh, chị có đăng ký kết hôn tại UBND xã Liêm Phong, huyện Thanh Liêm. Sau khi kết hôn vợ chồng chỉ chung sống hòa thuận, hạnh phúc được khoảng gần một năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu do vợ chồng tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống; dẫn đến vợ chồng có xảy ra cãi vã nhau. Sau đó, đến khoảng năm 2015 chị T1 đã về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Đến nay, chị T1 có đơn xin ly hôn với anh Nguyễn Văn H, sau khi nhận được đơn xin ly hôn của chị T1, chính quyền địa phương đã tiến hành hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ, nhưng anh H đều vắng mặt không có lý do, bản thân chị T1 vẫn kiên quyết xin ly hôn, do vậy việc hòa giải không có kết quả. Quan điểm của chính quyền địa phương xác định mâu thuẫn giữa vợ chồng anh chị đã trầm trọng, khả năng đoàn tụ không còn, quan điểm của chính quyền địa phương là đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Hiện nay, anh H đăng ký hộ khẩu thường trú và đang sinh sống tại địa phương. Chính quyền địa phương đã nhiều lần nhận được các văn bản của Tòa án nhờ chính quyền địa phương tổng đạt cho anh H. Địa phương đã cử đồng chí văn thư giao trực tiếp các văn bản đó cho anh H; nhưng anh H đều từ chối không nhận.

Tại phiên tòa chị T1 giữ nguyên ý kiến xin ly hôn với anh Nguyễn Văn H. Về con chung: Chị xin nuôi con chung là cháu Nguyễn Minh T3 và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Ý kiến của Kiểm sát viên:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân

sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng và đầy đủ trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Xử cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T1 và anh Nguyễn Văn H. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Minh T3 cho chị Lê Thị T1 tiếp tục nuôi dưỡng, anh H không phải cấp dưỡng nuôi con. Về án phí ly hôn sơ thẩm, chị Lê Thị T1 phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện của chị Lê Thị T1 có cơ sở xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn là anh Nguyễn Văn H hiện đang có HKTT và cư trú tại xã LP, huyện TL, tỉnh Hà Nam; nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Liêm.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ ra phiên tòa lần 2 nhưng bị đơn anh Nguyễn Văn H vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 điều 227 và khoản 3 điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự quyết định phiên tòa vẫn được tiến hành xét xử theo thủ tục chung mặc dù có sự vắng mặt của bị đơn.

[2] Về hôn nhân: Chị Lê Thị T1 và anh Nguyễn Văn H kết hôn hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 21/02/2014 tại UBND xã Liêm Phong, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam, nên đây là hôn nhân hợp pháp, được Luật Hôn nhân và gia đình bảo vệ. Sau khi kết hôn anh, chị chung sống hòa thuận được gần một năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống. Mặt khác, do anh H sống không có trách nhiệm với gia đình vợ con; khiến cho cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc; chị T1 đã về nhà bố mẹ để sinh sống từ năm 2015 cho đến nay, không có liên lạc gì và cũng không còn quan tâm đến nhau nữa. Hội đồng xét xử thấy: Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T1 và anh H đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên Hội đồng xét xử xử cho ly hôn giữa chị T1 và anh H là phù hợp với pháp luật và thực tế.

[3] Về con chung: Anh, chị có 01 con chung là cháu Nguyễn Minh T3 - sinh ngày 19/10/2014, hiện nay cháu đang ở cùng với chị T1. Khi ly hôn, chị T1 có nguyện vọng nuôi con và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy,

nguyện vọng của chị T1 là chính đáng và phù hợp pháp luật. Mặt khác, từ khi vợ chồng sống ly thân cháu T3 ở với chị T1, chị T1 vẫn đảm bảo tốt việc chăm sóc và nuôi dạy cháu. Do vậy, để đảm bảo sự ổn định và phát triển bình thường của cháu, Hội đồng xét xử xét thấy tiếp tục giao cháu Nguyễn Minh T3 cho chị Lê Thị T1 nuôi dưỡng là phù hợp với điều kiện thực tế của các bên. Về cấp dưỡng nuôi con: Do chị T1 không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản, công nợ, ruộng tăng sản, công sức đóng góp, trợ cấp khó khăn sau ly hôn: Chị Lê Thị T1 không đề nghị giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Lê Thị T1 phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào các điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Xử cho ly hôn giữa chị Lê Thị T1 và anh Nguyễn Văn H.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Minh T3 - sinh ngày 19/10/2014 cho chị Lê Thị T1 tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi cháu T3 đủ 18 tuổi, anh Nguyễn Văn H không phải cấp dưỡng nuôi con. Các bên được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật.

3. Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Lê Thị T1 phải chịu là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), được đối trừ số tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp theo biên lai số 0004904 ngày 07/2/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Liêm.

4. Quyền kháng cáo đối với bản án: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành

án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện Thanh Liêm;
- Chi cục THADS huyện Thanh Liêm;
- UBND xã Liêm Phong, huyện Thanh Liêm;
- Các đương sự;
- Cổng thông tin điện tử của Tòa án;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Cảnh